

Số: 19/2019/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên
từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP, ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3527/TTr-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 104/BC- KTNS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 để làm căn cứ áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của

hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

- b) Tính thuế sử dụng đất;
- c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;
- d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;
- e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

2. Bảng giá đất không áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Giá đất đấu giá, giá đất đấu thầu đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

3. Bảng giá đất được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Khi Chính phủ điều chỉnh khung giá đất mà mức giá đất điều chỉnh tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá đất tối thiểu trong bảng giá đất của loại đất tương tự;

b) Khi giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá đất tối thiểu trong bảng giá đất trong khoảng thời gian từ 180 ngày trở lên.

4. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Bảng giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024

1. Bảng giá đất của các huyện, thị xã, thành phố bao gồm 4 phụ lục sau:

Phụ lục 1: Bảng giá đất ở đô thị gồm: 1.1. Thành phố Điện Biên Phủ, 1.2. Huyện Điện Biên Đông, 1.3. Huyện Mường Ảng, 1.4. Huyện Tuần Giáo, 1.5. Huyện Mường Chà, 1.6. Huyện Tủa Chùa, 1.7. Thị xã Mường Lay.

Phụ lục 2: Bảng giá đất ở tại nông thôn gồm: 2.1. Thành phố Điện Biên Phủ, 2.2. Huyện Điện Biên, 2.3. Huyện Điện Biên Đông, 2.4. Huyện Mường Ảng, 2.5. Huyện Tuần Giáo, 2.6. Huyện Mường Nhé, 2.7. Huyện Mường Chà, 2.8. Huyện Nậm Pồ, 2.9. Huyện Tủa Chùa, 2.10. Thị xã Mường Lay.

Phụ lục 3: Bảng giá đất nông nghiệp gồm: 3.1. Thành phố Điện Biên Phủ, 3.2. Huyện Điện Biên, 3.3. Huyện Điện Biên Đông, 3.4. Huyện Mường Ảng, 3.5. Huyện Tuần Giáo, 3.6. Huyện Mường Nhé, 3.7. Huyện Mường Chà, 3.8. Huyện Nậm Pồ, 3.9. Huyện Tủa Chùa, 3.10. Thị xã Mường Lay.

Phụ lục 4: Bảng giá các loại đất khác gồm 9 bảng:

- a) Bảng 1: Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị.
 - b) Bảng 2: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị.
 - c) Bảng 3: Đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn.
 - d) Bảng 4: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn.
 - đ) Bảng 5: Đất nông nghiệp khác.
 - e) Bảng 6: Đất trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp.
 - g) Bảng 7: Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; mục đích công cộng.
 - h) Bảng 8: Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng; đất có công trình là đình, đền; đất phi nông nghiệp khác.
 - i) Bảng 9: Đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường.
2. Thời hạn sử dụng đất: Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIV, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBND TTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn